

DẤU ÁN CÁC KỲ ĐẠI HỘI TOÀN QUỐC CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I của Đảng (1935): Khôi phục tổ chức, thống nhất các phong trào đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng

Ngay từ khi ra đời (03/02/1930), Đảng Cộng sản Việt Nam đã thống nhất tổ chức, phát động và lãnh đạo các phong trào cách mạng trong phạm vi cả nước, với đỉnh cao là Xôviết Nghệ - Tĩnh. Tuy nhiên, phong trào cách mạng 1930 - 1931 bị thực dân Pháp đàn áp khốc liệt, khiến phong trào cách mạng tạm thời lắng xuống.

Trong những năm 1932 - 1935, các đảng viên còn lại đã tích cực hoạt động, kiên trì chấp nối cơ sở, bí mật hoạt động khôi phục hệ thống tổ chức của Đảng, gây dựng lại phong trào. Những cán bộ Đảng Cộng sản Đông Dương hoạt động ở nước ngoài được sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản, cũng tích cực hoạt động khôi phục phong trào cách mạng, xây dựng lại hệ thống tổ chức Đảng. Tháng 3-1934, Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương thành lập, đóng vai trò “người lãnh đạo, người tổ chức” phong trào cách mạng ở Đông Dương. Đến đầu năm 1935, hệ thống tổ chức Đảng trong nước đã được phục hồi, phong trào cách mạng từng bước phát triển.

Sự khôi phục và phát triển của phong trào cách mạng Đông Dương, vừa tạo các điều kiện, vừa đặt ra yêu cầu cấp bách về tiến hành Đại hội Đảng để đề ra đường lối, xây dựng lại cơ quan lãnh đạo Trung ương, kịp thời lãnh đạo phong trào cách mạng, trong bối cảnh tình hình thay đổi nhanh chóng.

Đại hội đại biểu lần thứ I của Đảng họp từ ngày 27 - 31/3/1935, tại một địa điểm ở phố Quan Công - Ma Cao (Trung Quốc). Tham dự Đại hội có 13 đại biểu thuộc các đảng bộ trong nước và tổ chức của Đảng hoạt động ở nước ngoài đại diện cho 552 đảng viên trong toàn Đảng. Đại hội đã thảo luận và thông qua Luận cương Chính trị và 12 nghị quyết quan trọng: các nghị quyết về vận động công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, binh lính; nghị quyết về mặt trận phản đế, nghị quyết về đội tự vệ, về công tác trong các dân tộc thiểu số,...; 6 bản điều lệ (Điều lệ của Đảng Cộng sản, điều lệ của các tổ chức quần chúng của Đảng), một số văn kiện khác và Thư gửi Chấp ủy Quốc tế Cộng sản, gửi các Đảng Cộng sản Liên Xô, Ấn Độ, Xiêm. Tuyên ngôn của Đại hội gửi những người lao động trong nước[1].

Luận cương chính trị của Đại hội đã đánh giá khái quát tình hình thế giới, tình hình Đông Dương và phong trào cách mạng, công tác tổ chức và lãnh đạo của Đảng; khẳng định, hệ thống tổ chức của Đảng đã được khôi phục; các cuộc đấu tranh của quần chúng do Đảng lãnh đạo có bước phục hồi, thúc đẩy tinh thần đấu tranh của quần chúng công nông.

Nghị quyết chính trị đề ra ba nhiệm vụ chính mà toàn Đảng phải tập trung thực hiện là: “a) củng cố và phát triển Đảng. b) Thâu phục quảng đại quần chúng lao động. c) Chống đế quốc chiến tranh”[2]. Nghị quyết xác định nhiệm vụ của Đảng: “... trong công tác hằng ngày của mình, cần biết rằng nhiệm vụ nào là chính yếu để tập trung đại lực của mình vào đấy” [3].

Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương khóa I, gồm 13 đồng chí (9 chính thức và 4 dự bị). Ban Chấp hành Trung ương cử ra Ban Thường vụ, gồm 5 đồng chí, do đồng chí Lê Hồng Phong (Litvinốp) làm Tổng Bí thư.

Đại hội thông qua Điều lệ của Đảng Cộng sản Đông Dương, gồm 59 điều, qui định về tên Đảng, về tôn chỉ, mục đích, nhiệm vụ của đảng viên, về điều kiện vào Đảng, về tổ chức, nguyên tắc tổ chức của Đảng, về tài chính, về đảng đoàn và nhiệm vụ của đại biểu Đảng đối với tổ chức Thanh niên Cộng sản. Điều lệ quy định tên Đảng là Đảng Cộng sản Đông Dương, là phân bộ của Quốc tế Cộng sản.

Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng là một sự kiện lịch sử quan trọng, đánh dấu thắng lợi căn bản của cuộc đấu tranh khôi phục hệ thống tổ chức của Đảng từ Trung ương đến địa phương, từ trong nước ra ngoài nước; sự khôi phục và thống nhất phong trào cách mạng của các tầng lớp nhân dân; củng cố và làm sâu sắc hơn mối quan hệ quốc tế của Đảng.

Đại hội thể hiện bản lĩnh, trí tuệ của Đảng, đem lại cho toàn thể đảng viên và quần chúng nhân dân niềm tin vào thắng lợi của cách mạng, chuẩn bị lực lượng đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ, chống nguy cơ chiến tranh và chủ nghĩa phát xít những năm 1936 - 1939; tạo tiền đề quan trọng cho thắng lợi của cao trào đấu tranh giải phóng dân tộc 1939 - 1945, đưa đến thành công của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (1951): Đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi hoàn toàn

Cách mạng Tháng Tám (1945) thành công, Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời chưa được bao lâu thì thực dân Pháp quay lại xâm lược nước ta. Trong bối cảnh đó, Đảng phát huy vai trò lãnh đạo, cầm quyền dẫn dắt và tổ chức toàn dân tiến hành công cuộc “kháng chiến - kiến quốc” thực hiện mục tiêu kháng chiến thắng lợi, đồng thời xây dựng chế độ dân chủ nhân dân. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đưa thế và lực của dân tộc ta đi lên, giành thế chủ động chiến lược, đẩy thực dân Pháp vào thế bị động. Những biến đổi của điều kiện lịch sử trong nước và quốc tế đến năm 1950 đòi hỏi Đảng phải bổ sung và phát triển đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và chính sách đối

ngoại nhằm mục tiêu đưa cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi. Nhằm đáp ứng những yêu cầu trên, Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng được triệu tập.

Đại hội lần thứ II của Đảng diễn ra từ ngày 11 - 19/02/1951, tại xã Vinh Quang (sau là xã Kim Bình), huyện Chiêm Hóa (cũ), tỉnh Tuyên Quang. Dự Đại hội có 158 đại biểu chính thức và 53 đại biểu dự khuyết thay mặt cho hơn 766.349[4] đảng viên trong toàn Đảng.

Đại hội chủ trương xây dựng ở mỗi nước Việt Nam, Lào, Campuchia, một Đảng cách mạng thích hợp với hoàn cảnh cụ thể, để lãnh đạo cuộc kháng chiến từng nước đến thắng lợi hoàn toàn. Ở Việt Nam, Đại hội quyết định xây dựng Đảng Lao động Việt Nam. Kế thừa truyền thống của Đảng Cộng sản Đông Dương, Đảng Lao động Việt Nam đảm nhận sứ mệnh lịch sử trọng đại vừa tiếp tục lãnh đạo cuộc kháng chiến của nhân dân ta, vừa có nghĩa vụ giúp đỡ các Đảng cách mạng ở Lào và Campuchia đấu tranh thắng lợi.

Đại hội xác định khẩu hiệu chính của cách mạng Việt Nam là: “tiêu diệt thực dân Pháp xâm lược và đánh bại bọn can thiệp Mỹ, giành thống nhất độc lập hoàn toàn, bảo vệ hoà bình thế giới”[5].

Đại hội đề ra hai nhiệm vụ chính của Đảng là: Đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và tổ chức Đảng Lao động Việt Nam. Để hoàn thành những nhiệm vụ đó, Đại hội đề ra những chính sách và biện pháp tích cực: đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang về mọi mặt, củng cố và phát triển mặt trận dân tộc thống nhất, triệt để giảm tô, giảm tức, tịch thu ruộng đất của thực dân và Việt gian chia cho dân cày nghèo, bảo vệ nền kinh tế tài chính của ta, đấu tranh kinh tế với địch, tích cực giúp đỡ cuộc kháng chiến của Cao Miên và Lào, tiến tới thành lập Mặt trận thống nhất Việt - Miên - Lào,... Đối với công tác xây dựng Đảng, Đại hội xác định xây dựng Đảng Lao động Việt Nam là “một Đảng to lớn, mạnh mẽ, chắc chắn, trong sạch, cách mạng triệt để”; “đoàn kết và lãnh đạo toàn dân kháng chiến cho đến thắng lợi hoàn toàn, tranh lại thống nhất và độc lập hoàn toàn; lãnh đạo toàn dân thực hiện dân chủ mới, xây dựng điều kiện để tiến đến chủ nghĩa xã hội”[6].

Đại hội thông qua “Chính cương Đảng Lao động Việt Nam”, chỉ rõ: Cách mạng Việt Nam là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, cho nên con đường tất yếu của nó là tiến lên chủ nghĩa xã hội. Từ một xã hội thuộc địa nửa phong kiến tiến lên xã hội xã hội chủ nghĩa là cả một quá trình lâu dài, và “đại thể trải qua ba giai đoạn: giai đoạn thứ nhất, nhiệm vụ chủ yếu là hoàn thành giải phóng dân tộc; giai đoạn thứ hai, nhiệm vụ chủ yếu là xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa

phong kiến, thực hiện triệt để người cày có ruộng, phát triển kỹ nghệ, hoàn chỉnh chế độ dân chủ nhân dân; giai đoạn thứ ba, nhiệm vụ chủ yếu là xây dựng cơ sở cho chủ nghĩa xã hội, tiến lên thực hiện chủ nghĩa xã hội”[7]. Ba giai đoạn ấy không tách rời nhau mà mật thiết liên hệ xen lẫn với nhau. Nhưng mỗi giai đoạn có nhiệm vụ trung tâm. Chính cương cũng nêu rõ 15 chính sách lớn của Đảng để đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi và đặt cơ sở kiến thiết quốc gia. Đảng phải tập trung lực lượng vào việc lãnh đạo chiến tranh. Mọi chính sách khác như chính sách văn hoá giáo dục, chính sách tôn giáo, chính sách dân tộc, chính sách mặt trận,... đều phải hướng vào mục tiêu chung là “đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi” .

Điều lệ mới của Đảng Lao động Việt Nam gồm 13 chương và 71 điều, xác định rõ mục đích, tôn chỉ của Đảng là “phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, để thực hiện tự do, hạnh phúc cho giai cấp công nhân, nhân dân lao động và tất cả các dân tộc đa số, thiểu số ở Việt Nam”[8]; Đảng là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam, lấy Chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng và xây dựng Đảng theo nguyên tắc một Đảng vô sản kiểu mới: lấy dân chủ tập trung làm nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt căn bản của Đảng; phê bình, tự phê bình là quy luật phát triển của Đảng; phục vụ nhân dân là mục tiêu hoạt động của Đảng.

Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Trung ương mới gồm 19 ủy viên chính thức, và 10 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành đã cử ra Bộ Chính trị gồm có 07 ủy viên chính thức và một ủy viên dự khuyết. Đại hội bầu đồng chí Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Đảng. Tổng Bí thư là đồng chí Trường Chinh

Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng là một sự kiện trọng đại trong đời sống chính trị của đất nước, đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của Đảng về mọi mặt. Đại hội đã tổng kết một bước quan trọng trong lý luận cách mạng Việt Nam, xác định đường lối tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội; công khai tuyên bố Việt Nam là tiền đồn của phe xã hội chủ nghĩa ở Đông Nam Á, một bộ phận của phe dân chủ trên thế giới. Đường lối đúng đắn mà Đại hội đề ra chính là sự bổ sung, phát triển Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Đó là “đại hội đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và xây dựng Đảng Lao động Việt Nam”[9].

3. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (1960): Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh thống nhất nước nhà

Mười năm sau Đại hội lần thứ II (1951), đất nước ta có nhiều thay đổi lớn. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi vẻ vang nhưng đất nước bị chia cắt làm hai miền: miền Bắc được giải phóng, tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa, miền Nam nằm dưới ánh

thống trị của chủ nghĩa thực dân mới do đế quốc Mỹ và tay sai thiết lập. Đảng ta từ trách nhiệm lãnh đạo một chiến lược cách mạng trong cả nước chuyển sang lãnh đạo hai chiến lược cách mạng trong một nước. Cách mạng Việt Nam đang tiến mạnh trong giai đoạn mới của hai cuộc cách mạng và đang đi vào những bước ngoặt, nảy sinh nhiều vấn đề mới, đòi hỏi Đảng phải khẳng định đường lối chiến lược, bước đi chính sách và kiện toàn sự lãnh đạo của Đảng về mọi mặt, đáp ứng yêu cầu mới của đất nước.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp từ ngày 05 - 10/9/1960, tại Thủ đô Hà Nội. Dự Đại hội có 525 đại biểu chính thức và 51 đại biểu dự khuyết, thay mặt cho hơn 50 vạn đảng viên trong cả nước. Hồ Chí Minh- Chủ tịch Đảng, đọc diễn văn khai mạc, trong đó nêu rõ: “Đại hội lần này là đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà”[10].

Đại hội xác định nhiệm vụ của toàn dân ta trong giai đoạn trước mắt là: “tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đồng thời đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, xây dựng một đất nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, thiết thực góp phần tăng cường phe xã hội chủ nghĩa và bảo vệ hòa bình ở Đông - Nam Á và thế giới”[11].

Cách mạng ở hai miền đều nhằm mục tiêu chung là hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, thống nhất đất nước, có mối quan hệ khăng khít. Trong đó, nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là nhiệm vụ quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng nước ta, đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà. Cách mạng miền Nam có tác dụng quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Đối với miền Bắc, Đại hội khẳng định: Sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc trước hết phải biến miền Bắc thành căn cứ vững chắc cho cách mạng cả nước, giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà. Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là một quá trình cải biến cách mạng về mọi mặt nhằm đưa miền Bắc từ nền kinh tế chủ yếu dựa trên sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, từ chế độ sản xuất nhỏ tiến lên chế độ sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, từ tình trạng kinh tế phân tán và lạc hậu xây dựng thành một nền kinh tế cân đối và hiện đại, làm cho miền Bắc tiến bộ nhanh chóng, thành cơ sở ngày càng vững chắc cho sự nghiệp đấu tranh thống nhất đất nước. Muốn cải biến tình trạng

kinh tế lạc hậu của nước ta, không có con đường nào khác ngoài con đường công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Đối với cách mạng miền Nam, “Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng ở miền Nam là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, góp phần xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh. Nhiệm vụ trước mắt của cách mạng ở miền Nam là đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và gây chiến, đánh đổ tập đoàn thống trị độc tài Ngô Đình Diệm, tay sai của đế quốc Mỹ, thành lập một chính quyền liên hợp dân tộc dân chủ ở miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc, các quyền tự do dân chủ và cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, tích cực góp phần bảo vệ hòa bình ở Đông - Nam Á và thế giới”[12].

Đại hội nêu cao quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân đối với sự nghiệp đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước; nhất định nước ta sẽ thống nhất, dân tộc ta sẽ đoàn tụ. Để thực hiện thắng lợi sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới đòi hỏi phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về mọi mặt, phải củng cố và tăng cường sự nhất trí về tư tưởng và sự thống nhất hành động của Đảng.

Đại hội thông qua Điều lệ Đảng (sửa đổi) phù hợp công tác xây dựng đảng trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà; phù hợp với tính chất một đảng cầm quyền, có hai nhiệm vụ chiến lược. Theo đó, phải ra sức củng cố Đảng vững mạnh về tư tưởng và tổ chức, phải giữ vững và không ngừng tăng cường tính chất giai cấp và tính chất tiên phong của Đảng để nâng cao hơn nữa sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng, bảo đảm cho Đảng có đầy đủ khả năng quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế và văn hoá, xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và làm tròn nhiệm vụ lãnh đạo cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà. Điều lệ Đảng bổ sung một số điểm mới rất quan trọng trong tiêu chuẩn đảng viên.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương mới gồm 47 ủy viên chính thức và 31 ủy viên dự khuyết; Bộ Chính trị gồm 11 ủy viên và 02 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Hồ Chí Minh được bầu lại làm Chủ tịch Đảng. Đồng chí Lê Duẩn được bầu làm Bí thư Thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III có ý nghĩa lịch sử to lớn, “là nguồn ánh sáng mới, lực lượng mới cho toàn Đảng và toàn dân ta xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà”[13].

4. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (1976): Đại hội toàn thắng của sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội

Sau 15 năm thực hiện đường lối Đại hội lần thứ III của Đảng, Nhân dân ta đã giành được thắng lợi vẻ vang trong sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, giang sơn thu về một mối, mở ra kỷ nguyên đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đất nước chuyển trạng thái, từ chiến tranh chuyển sang hòa bình, từ chia cắt thành thống nhất, bên cạnh những thuận lợi rất cơ bản, phải đối diện những khó khăn, thử thách to lớn. Tình hình đó đặt ra yêu cầu tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; xác định đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới; đề ra phương hướng, nhiệm vụ xây dựng Đảng cầm quyền, xây dựng Nhà nước của Nhân dân và các đoàn thể quần chúng trong giai đoạn Nhân dân ta đã làm chủ toàn bộ đất nước.

Từ ngày 14 - 20/12/1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV họp tại Hà Nội. Dự Đại hội có 1.008 đại biểu thay mặt cho hơn một triệu rưỡi đảng viên trong cả nước.

Đại hội khẳng định thắng lợi vẻ vang và đúc kết những bài học có giá trị to lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Nghị quyết Đại hội khẳng định: “Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”[14].

Đại hội đề ra đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới là: “Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hoá mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xoá bỏ chế độ người bóc lột người, xoá bỏ nghèo nàn và lạc hậu; không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; xây dựng thành công Tổ quốc Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội”¹.

Trên cơ sở đường lối chung, Đại hội đề ra đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn cách mạng mới ở Việt Nam, trong đó, nội dung trọng tâm là đẩy mạnh

công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Trên cơ sở đường lối chung và đường lối kinh tế, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm 1976 - 1980 nhằm hai mục tiêu cơ bản là: Xây dựng một bước cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, bước đầu hình thành cơ cấu kinh tế mới trong cả nước mà bộ phận chủ yếu là cơ cấu công - nông nghiệp và cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân lao động.

Đại hội đề ra nhiệm vụ và chính sách đối ngoại; góp phần vào việc tăng cường đoàn kết các nước xã hội chủ nghĩa, trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; ra sức bảo vệ và phát triển quan hệ gắn bó giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân Lào và nhân dân Campuchia; góp phần vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Đại hội đề ra đường lối xây dựng Đảng để Đảng đủ năng lực lãnh đạo trên cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức; thông qua phong trào cách mạng của quần chúng; gắn công tác xây dựng Đảng với kiện toàn tổ chức và nâng cao năng lực của Nhà nước. Điều lệ mới do Đại hội thông qua thể hiện một cách đầy đủ nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng; qui định thời gian Đại hội toàn quốc và nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Trung ương là 5 năm; thời gian Đại hội đảng bộ các cấp tỉnh, huyện, quận và nhiệm kỳ của các cấp ủy cùng cấp là 2 năm; thời gian Đại hội ở chi bộ, Đảng bộ cơ sở và nhiệm kỳ của các cấp ủy cùng cấp là 1 năm; quy định về việc lập Đảng đoàn trong các cơ quan lãnh đạo của Nhà nước, các đoàn thể và tổ chức quần chúng. Điều lệ mới đặt lại chức danh Tổng Bí thư thay cho chức danh Bí thư thứ nhất.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương mới gồm 101 ủy viên chính thức và 32 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành Trung ương họp Hội nghị lần thứ nhất bầu ra Bộ Chính trị gồm 14 ủy viên chính thức và 3 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Lê Duẩn được bầu làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đại hội quyết định đổi tên Đảng Lao Động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đại hội lần thứ IV của Đảng có ý nghĩa lịch sử to lớn, là Đại hội toàn thắng của sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất Tổ quốc, là Đại hội đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, tiếp tục khẳng định con đường mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh và Nhân dân ta đã lựa chọn; vạch ra đường lối chung đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đảng được củng cố về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

5. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (1982): Tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của Nhân dân

Sau hơn 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần IV của Đảng, Nhân dân ta đã đạt được những thành tựu to lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và làm nghĩa vụ quốc tế. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, trong đó nền kinh tế phổ biến là sản xuất nhỏ, hậu quả chiến tranh rất nặng nề, chính sách bao vây, cấm vận của Mỹ, phải thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc ở biên giới phía Bắc, biên giới Tây Nam, thiên tai dồn dập..., nhưng chủ yếu là do duy ý chí trong đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội, duy trì cơ chế quản lý kinh tế - xã hội vốn được xác lập và vận hành trong chiến tranh, không phù hợp với tình hình mới, nên đất nước bắt đầu lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội. Đảng đã đề ra những chủ trương tháo gỡ khó khăn, tạo ra những chuyển biến tích cực, tuy nhiên, tình hình kinh tế - xã hội của đất nước vẫn trong tình trạng khủng hoảng có xu hướng ngày càng trầm trọng.

Trong bối cảnh đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V tiến hành để đề ra các phương hướng, biện pháp tháo gỡ khó khăn, đưa công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đi lên.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng diễn ra tại Thủ đô Hà Nội trong thời gian từ ngày 27 - 31/3/1982. Tham dự Đại hội có 1.033 đại biểu thay mặt cho hơn 1,7 triệu đảng viên toàn Đảng.

Đại hội khẳng định những thành tựu đã đạt được từ sau ngày miền Nam giải phóng; đồng thời nhìn nhận nền kinh tế đất nước “đang đứng trước nhiều vấn đề gay gắt”, mất cân đối nghiêm trọng, sản xuất phát triển chậm trong khi số dân tăng nhanh; lương thực, vải mặc và các hàng tiêu dùng thiết yếu đều thiếu, tình hình cung cấp năng lượng, vật tư, tình hình giao thông vận tải rất căng thẳng,... Đại hội nhất trí rằng những hạn chế trên có những nguyên nhân khách quan, chủ quan, nhấn mạnh nguyên nhân chủ yếu là khuyết điểm, sai lầm về lãnh đạo và quản lý kinh tế- xã hội của các cơ quan Đảng và Nhà nước ta từ Trung ương đến cơ sở. Nghị quyết Đại hội xác định: “Chúng ta đã duy trì quá lâu cơ chế quản lý hành chính quan liêu, bao cấp, chậm thay đổi các chính sách, chế độ kìm hãm sản xuất. Trong hoạt động sản xuất và quản lý kinh tế, tư tưởng ỷ lại rất nặng”[15]; những khuyết điểm, sai lầm là “rất nghiêm trọng”.

Đại hội đề ra hai nhiệm vụ chiến lược của toàn dân, toàn quân ta trong giai đoạn cách mạng mới: “Một là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội; Hai là, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”[16]. Cùng với việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược, phải luôn tăng cường tình đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa.

Đại hội khẳng định, tiếp tục thực hiện đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa do Đại hội lần thứ IV của Đảng đề ra. Đại hội đề ra 4 mục tiêu kinh tế - xã hội tổng quát của những năm 80 và xác định những chính sách lớn để thực hiện. Trong đường lối của Đại hội, nổi lên những tư duy mới, bám sát hơn thực tiễn đời sống là: coi ổn định tình hình kinh tế - xã hội là nhiệm vụ bức thiết nhất; xác định duy trì nền kinh tế nhiều thành phần ở miền Nam; nhận thức mới về công nghiệp hóa trên cơ sở nhấn mạnh nông nghiệp là mặt trận hàng đầu trong chặng đường trước mắt; nhận thức mới về thời kỳ quá độ, phân kỳ thời kỳ quá độ và xác định chặng đường trước mắt ở Việt Nam; nhận thức mới về hai nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cũng như làm rõ mối quan hệ của 2 nhiệm vụ đó.

Đại hội chủ trương “Nâng cao sức chiến đấu của Đảng”, tăng cường sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, trong đó, đặc biệt coi trọng lãnh đạo kinh tế, tăng cường nâng cao chất lượng lãnh đạo tư tưởng, tăng cường lãnh đạo tổ chức, tổ chức tốt công tác kiểm tra. Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương, nhiệm kỳ khóa V, gồm 152 đồng chí, trong đó có 116 ủy viên chính thức và 36 ủy viên dự khuyết. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương khóa V bầu Bộ Chính trị gồm 13 ủy viên chính thức, 2 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Lê Duẩn được bầu lại làm Tổng Bí thư.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng có ý nghĩa quan trọng trong quá trình quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đường lối do Đại hội đề ra đã tập trung vào giải quyết những vấn đề bức thiết của đất nước, phản ánh những tư duy đổi mới của Đảng đang được hình thành, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao cả và quyết tâm của Đảng tất cả vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của Nhân dân.

6. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (1986): Khởi xướng và lãnh đạo sự nghiệp đổi mới đất nước

Sau Đại hội V, mặc dù Đảng và Nhân dân ta có nhiều nỗ lực nhưng mục tiêu do Đại hội đề ra là cơ bản ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định đời sống của Nhân dân chưa thực hiện được. Đời sống kinh tế - xã hội đất nước ở trong tình trạng khủng hoảng trầm trọng. Tình hình thế giới có những biến đổi căn bản, to lớn, sâu sắc và rất phức tạp: khoa học, công nghệ, xu thế toàn cầu hoá phát triển mạnh mẽ; chiến tranh lạnh đi vào giai đoạn kết thúc, hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển trở thành một xu thế lớn. Trong khi hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu lâm vào khủng hoảng nhiều mặt, thì công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc đạt được những kết quả tích cực.

Cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trong nước, sự biến đổi của tình hình thế giới và khu vực đã đặt ra yêu cầu khách quan, cấp bách phải đổi mới đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội để đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng, tiếp tục quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong bối cảnh đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng diễn ra tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 15 - 18/12/1986. Dự Đại hội có 1.129 đại biểu thay mặt cho gần 1,9 triệu đảng viên trong toàn Đảng.

Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, Đại hội đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, khẳng định những thành tựu đạt được, đồng thời, chỉ rõ hạn chế, yếu kém, những khó khăn gay gắt của đời sống kinh tế - xã hội đang ở mức độ khủng hoảng nghiêm trọng. Đại hội chỉ rõ nguyên nhân của những hạn chế nói trên là do Đảng mắc phải “những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài”[17] về chủ trương, chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện, nhất là trên lĩnh vực kinh tế. Những sai lầm đó có nguồn gốc từ bệnh chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội, chạy theo nguyện vọng chủ quan.

Đại hội tổng kết 4 bài học lớn, trong đó nhấn mạnh bài học “lấy dân làm gốc”, bài học về xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan,...

Đại hội xác định: “nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát của những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo”[18].

Để đạt được những mục tiêu đã xác định, Đại hội đề ra đường lối đổi mới với những nội dung sau:

- Đổi mới cơ cấu kinh tế: sắp xếp lại nền kinh tế, bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư, tập trung “thực hiện cho được ba chương trình mục tiêu về lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu”[19]; có chính sách sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế ngoài kinh tế xã hội chủ nghĩa; phát triển kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo.

- Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế: kiên quyết xoá bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, xây dựng “cơ chế kế hoạch hóa theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ”[20]; kết hợp kế hoạch hóa với thị trường, từng bước đưa nền kinh vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Nền kinh tế phải được quản lý bằng các biện pháp kinh tế là chủ yếu. Các đơn vị kinh tế quốc doanh và tập thể có quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh, tự chủ về tài chính;

phải “phân biệt rõ chức năng quản lý hành chính - kinh tế của các cơ quan nhà nước trung ương và địa phương với chức năng quản lý sản xuất - kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở”[21].

- Đổi mới, thực hiện đồng bộ và hiệu quả các chính sách xã hội: Ban hành các chính sách xã hội cơ bản, lâu dài và xác định những nhiệm vụ, mục tiêu phù hợp với yêu cầu và khả năng trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ. Chú trọng phát huy yếu tố con người và lấy việc phục vụ con người làm mục đích cao nhất.

Đổi mới chính sách đối ngoại, mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại. Phát triển và củng cố mối quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông Dương; tiến tới bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc; mở rộng hợp tác đầu tư với nước ngoài thông qua việc công bố chính sách khuyến khích đầu tư dưới nhiều hình thức, nhất là đối với các ngành và cơ sở đòi hỏi kỹ thuật cao, làm hàng xuất khẩu; tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài và Việt kiều hợp tác kinh doanh tại Việt Nam.

Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng. Đảng phải đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; nâng cao nhận thức lý luận, vận dụng đúng qui luật khách quan, khắc phục bệnh chủ quan, duy ý chí hoặc bảo thủ trì trệ, quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”; đổi mới tổ chức, đội ngũ cán bộ, đánh giá cán bộ phải lấy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị làm thước đo; đổi mới phong cách làm việc, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, tiến hành sửa đổi cải cách lề lối làm việc, đi sâu đi sát thực tế, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở, tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng. Đại hội quyết định bổ sung và sửa đổi một số điểm cụ thể trong Điều lệ Đảng cho phù hợp với tình hình mới.

Đại hội lần thứ VI của Đảng bầu Ban Chấp hành Trung ương mới gồm 124 ủy viên chính thức và 49 ủy viên dự khuyết. Hội nghị Trung ương lần thứ nhất bầu Bộ Chính trị gồm 13 ủy viên chính thức và 1 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Nguyễn Văn Linh được bầu làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đại hội VI của Đảng có một ý nghĩa lịch sử trọng đại, đánh dấu bước ngoặt trong tiến trình quá độ lên chủ nghĩa xã hội của nước ta. Đại hội đã tìm ra lối thoát cho cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng kéo dài, đồng thời, đặt nền tảng căn bản để Đảng bổ sung, phát triển mô hình chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đường lối đổi mới do Đại hội đề ra là sự kết tinh trí tuệ, tư duy khoa học của Đảng và toàn dân, thể hiện quyết tâm và tinh thần trách nhiệm rất cao của Đảng trước đất nước và dân tộc. Đường lối đổi mới đã nhanh chóng đi vào cuộc sống, đưa đến luồng sinh khí mới trong xã hội, làm xoay chuyển tình hình, đưa đất nước tiến lên.

7. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (1991): Đẩy mạnh công cuộc đổi mới, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tiến theo con đường xã hội chủ nghĩa

Đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, tình hình quốc tế và khu vực hết sức phức tạp, tác động mạnh mẽ, sâu sắc, bất lợi nhiều mặt đến Việt Nam. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ, của xu thế toàn cầu hóa, một mặt tạo cơ hội phát triển cho tất cả các quốc gia, đồng thời, đặt ra những thách thức lớn. Xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ, xung đột về sắc tộc và tôn giáo, các hoạt động can thiệp, bạo loạn lật đổ, khủng bố xảy ra ở nhiều nơi.

Ở trong nước, đường lối đổi mới do Đại hội VI đề ra đã đi vào cuộc sống tạo nên sự chuyển biến rõ rệt trên các lĩnh vực đời sống xã hội, đưa đến những thắng lợi bước đầu nhưng có ý nghĩa rất quan trọng. Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội vẫn diễn biến phức tạp; các thế lực phản động ra sức lợi dụng những khó khăn của nước ta, dùng nhiều thủ đoạn phá hoại công cuộc đổi mới.

Tình hình trên đặt ra cho Đảng phải khẳng định và phát triển đường lối đổi mới, hình thành rõ nét con đường quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; đề ra đường lối, chủ trương thúc đẩy, công cuộc đổi mới, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, ngăn chặn những ảnh hưởng bất lợi từ sự sụp đổ của mô hình xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô.

Đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng diễn ra tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 24 - 27/6/1991. Dự Đại hội có 1.176 đại biểu, đại diện cho hơn 2,1 triệu đảng viên của Đảng.

Với tinh thần “Trí tuệ - Đổi mới - Dân chủ - Kỷ cương - Đoàn kết”[22], Đại hội tiến hành đánh giá kết quả bước đầu của công cuộc đổi mới và đề ra những phương hướng nhiệm vụ chủ yếu trong những năm trước mắt. Đại hội đánh giá: công cuộc đổi mới đã đạt những thành tựu bước đầu quan trọng, chứng tỏ đường lối đổi mới do Đại hội VI đề ra là đúng đắn, bước đi của công cuộc đổi mới về cơ bản là phù hợp; đất nước có những thuận lợi mới, đồng thời đang đứng trước những thử thách rất gay gắt, chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và vẫn có những nhân tố có thể gây mất ổn định chính trị không thể coi thường. Đại hội đúc kết năm bài học kinh nghiệm của bước khởi đầu tiến trình đổi mới: Giữ định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình đổi mới; Đổi mới toàn diện, đồng bộ và triệt để, nhưng phải có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp; Phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước; Dân chủ có lãnh đạo; Kịp thời phát hiện và giải quyết đúng đắn những vấn đề

mới nảy sinh, không ngừng hoàn chỉnh lý luận về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát và phương châm chỉ đạo 5 năm 1991 - 1995 là vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa đất nước cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng. Trên cơ sở đó, Đại hội xác định các mục tiêu cụ thể và phương châm chỉ đạo trên các phương diện kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại,...

Đại hội thảo luận và thông qua Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, xác định mục tiêu tổng quát đến năm 2000 cùng nhiệm vụ, giải pháp, chính sách đồng bộ để thực hiện.

Đại hội thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Cương lĩnh tổng kết tiến trình cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và nêu ra những bài học có tính quy luật đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và Nhân dân ta: Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Hai là, sự nghiệp cách mạng là của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân; Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế; Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước và sức mạnh quốc tế; Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Cương lĩnh xác lập những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà Nhân dân ta xây dựng: Do Nhân dân lao động làm chủ; Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu; Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân; Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ; Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

Cương lĩnh nêu ra bảy phương hướng cơ bản của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội với mục tiêu tổng quát phải đạt tới khi kết thúc thời kỳ quá độ là xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng, văn hóa phù hợp, làm cho Việt Nam trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh; quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là quá trình lâu dài, trải qua nhiều chặng đường. Mục tiêu của chặng đường đầu là thông qua đổi mới toàn diện, xã hội đạt tới trạng thái ổn định vững chắc, tạo thế phát triển nhanh ở chặng sau.

Cương lĩnh cũng đề ra những định hướng lớn về chính sách kinh tế, xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại; hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng, nhấn mạnh: Để đảm đương vai trò lãnh đạo, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; phải thường xuyên, tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, năng lực lãnh đạo, giữ vững truyền thống đoàn kết thống nhất trong Đảng,...

Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương khóa VII gồm 146 đồng chí. Hội nghị Trung ương lần thứ nhất, bầu Bộ Chính trị gồm 13 đồng chí. Đồng chí Đỗ Mười được bầu là Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đại hội VII có ý nghĩa quan trọng, tiếp tục khẳng định, bổ sung và phát triển đường lối đổi mới, hoạch định con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc điểm Việt Nam, đề ra những chủ trương, giải pháp cụ thể đưa đất nước ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội. Cương lĩnh do Đại hội thông qua là ngọn cờ chiến đấu dẫn dắt sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, định hướng cho mọi hoạt động của Đảng trong giai đoạn tiếp theo.

8. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (1996): Tiếp tục sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội

Trong những thập niên cuối thế kỷ XX, tình hình thế giới tiếp tục biến đổi nhanh chóng, sâu sắc, khó lường, có cả thuận lợi và khó khăn, tạo ra cả thời cơ và nguy cơ đối với các nước đang phát triển, nhất là trong giữ vững độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, trong phát triển và hội nhập quốc tế. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương phát triển năng động với nhịp độ tăng trưởng cao, đồng thời cũng tiềm ẩn một số nhân tố có thể gây mất ổn định.

Ở trong nước, sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện (1986 -1995) và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII (1991 - 1995), đất nước đã vượt qua một giai đoạn thử thách gay go; không những đứng vững, mà còn vươn lên thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa quan trọng. Tuy nhiên, đất nước còn đối diện với thách thức, nổi lên là bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (01/1994) đã nêu[23].

Tình hình trên đây đặt ra yêu cầu đối với Đảng và Nhân dân ta là phát huy kết quả đạt được, khắc phục khó khăn, khuyết điểm và yếu kém, tranh thủ thời cơ, vượt qua thách thức, đưa sự nghiệp đổi mới đi lên.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng họp từ ngày 28/6 - 01/7/1996. Dự Đại hội có 1.196 đảng viên đại diện cho gần 2 triệu 130 nghìn đảng viên trong toàn Đảng.

Đại hội thảo luận và khẳng định những thành tựu và chỉ rõ những khuyết điểm, yếu kém của chặng đường 10 năm đổi mới, rút ra 6 bài học chủ yếu với những nội dung cơ bản là: Giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong quá trình đổi mới, nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm; Xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; Mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc; Mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại; Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.

Đại hội đánh giá tổng quát chặng đường 10 năm đổi mới và quyết định chuyển đất nước sang một thời kỳ phát triển mới. Đại hội khẳng định: “Công cuộc đổi mới trong 10 năm qua đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng (...) Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc. Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa đã được hoàn thành về cơ bản, nước ta chuyển sang một thời kỳ mới đầy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”[24].

Đại hội thảo luận và nhất trí đề ra mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là: “biến đổi nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của sức sản xuất, nguồn lực con người được phát huy, mức sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng và an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”[25].

Đại hội thảo luận và nhất trí đề ra nhiệm vụ và mục tiêu phát triển đến năm 2000: tập trung đầy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phấn đấu để tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững, giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, cải thiện đời sống của Nhân dân, nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào đầu thế kỷ XXI.

Đại hội chỉ rõ định hướng phát triển các lĩnh vực chủ yếu: kinh tế; khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo; chính sách xã hội; quốc phòng và an ninh; chính sách đối ngoại; thực hiện đại đoàn kết dân tộc, phát huy vai trò làm chủ của Nhân dân; cải cách

bộ máy nhà nước, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đại hội đề ra nhiệm vụ xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ mới với những nội dung cơ bản: giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân; nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất và năng lực cán bộ, đảng viên; củng cố Đảng về tổ chức, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ; nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; đổi mới công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) gồm 170 đồng chí. Hội nghị lần thứ nhất, Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII bầu Bộ Chính trị gồm 19 đồng chí. Đồng chí Đỗ Mười được bầu lại làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng có ý nghĩa lịch sử to lớn đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, chuyển đất nước sang thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

9. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (2001): Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Bước vào năm đầu thế kỷ XXI, tình hình thế giới diễn biến phức tạp với nhiều yếu tố bất ổn đan xen. Quá trình toàn cầu hóa tiếp tục mở rộng, khoa học công nghệ có sự phát triển mạnh mẽ, xu thế hòa bình, hợp tác chuyển biến tích cực,... song bên cạnh đó, các mâu thuẫn địa - chính trị, xung đột khu vực và nguy cơ khủng bố quốc tế có chiều hướng gia tăng. Những bất ổn và dấu hiệu suy giảm của đời sống kinh tế thế giới bắt đầu xuất hiện cuối thập niên 1990, khiến cục diện quốc tế tiềm ẩn nhiều phức tạp khó dự báo. Sau 15 năm đổi mới, thế và lực của đất nước đã lớn mạnh, có sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế được tăng cường. Tuy nhiên, công cuộc đổi mới vẫn phải đối diện với 4 nguy cơ lớn; nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, một số vấn đề xã hội bức xúc và gay gắt,...

Trong bối cảnh đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng diễn ra tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 19 - 22/4/2001. Tham dự Đại hội có 1.168 đại biểu thay mặt cho gần 2 triệu rưỡi đảng viên toàn Đảng.

Tại thời điểm khởi đầu thế kỷ XXI, Đại hội tổng kết và khẳng định ba thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX, nhận định tình hình đất nước và dự báo xu

thế phát triển trong thế kỷ XXI; tổng kết những bài học có tính chất lý luận của 15 năm đổi mới, khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội làm cơ sở để Đảng bổ sung, phát triển đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Đại hội chủ trương: phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đại hội xác định mô hình kinh tế tổng quát của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là “nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”[26], thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức, do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội.

Đại hội đề ra đường lối kinh tế, tập trung vào nhiệm vụ là: Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp; ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa; phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hóa, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh.

Cùng với đường lối kinh tế, Đại hội xác định đường lối lãnh đạo đối với các lĩnh vực: Phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Tăng cường quốc phòng và an ninh; Mở rộng quan hệ đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; Đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế; Xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Đại hội khẳng định: phải coi xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là nhiệm vụ then chốt, là yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển của Đảng, là nhân tố bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Đại hội thông qua Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 với mục tiêu tổng quát là: Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của Nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành

một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) gồm 150 ủy viên. Tại Hội nghị lần thứ nhất, Ban Chấp hành Trung ương đã bầu Bộ Chính trị gồm 15 ủy viên. Đồng chí Nông Đức Mạnh được bầu giữ chức vụ Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đại hội lần thứ IX của Đảng đã thể hiện rõ nét trí tuệ, bản lĩnh chính trị, sự đoàn kết, dân chủ, đánh dấu bước trưởng thành của Đảng trước những yêu cầu mới của sự nghiệp đổi mới. Đường lối, chiến lược, chủ trương, chính sách, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội do Đại hội xác lập mở đường cho đất nước ta nắm lấy cơ hội, vượt qua thách thức đẩy mạnh phát triển đất nước trong những thập niên đầu của thế kỷ XXI.

10. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (2006): Nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển

Trong nửa đầu thập niên thứ nhất của thế kỷ XXI trên bình diện thế giới, toàn cầu hóa, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Khoa học và công nghệ có bước nhảy vọt và những đột phá lớn chưa từng có. Đan xen những xu hướng và những biến chuyển tích cực đó, đời sống quốc tế vẫn tiềm ẩn những phức tạp, khó lường.

Sau 20 năm tiến hành công cuộc đổi mới, đất nước con người Việt Nam đã tiến những bước dài trên con đường xây dựng và phát triển. Sức mạnh về mọi mặt được tăng cường; vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao. Tuy nhiên, đất nước cũng đối diện với nhiều khó khăn, hạn chế, bất cập. Việt Nam vẫn trong tình trạng kém phát triển. Các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền gây bạo loạn ở Tây Nguyên năm 2001 và năm 2004. Nhiệm vụ bảo vệ độc lập, chủ quyền lãnh thổ và lợi ích quốc gia rất quan trọng,...

Đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, xây dựng một chiến lược, định hướng đúng đắn huy động tốt mọi nguồn lực sớm đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển là yêu cầu và trách nhiệm nặng nề đặt ra đối với Đảng. Đó cũng là sứ mệnh của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đại hội diễn ra từ ngày 18 - 25/4/2006, tại Thủ đô Hà Nội. Dự Đại hội có 1.176 đại biểu, đại diện cho hơn 3,1 triệu đảng viên trong toàn Đảng.

Tổng kết 20 năm đổi mới (1986 - 2006), Đại hội khẳng định: Hai mươi năm qua với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, có sự thay đổi cơ bản và toàn diện. Vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp. “Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản”[27]. Đại hội thẳng thắn nhìn nhận những hạn chế trong công tác lãnh đạo của Đảng, những khó khăn, thử thách mà Nhân dân ta phải đối diện, nhất là nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế; tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên,... Đại hội đúc kết bài học kinh nghiệm của 20 năm tiến hành công cuộc đổi mới.

Đại hội đề ra mục tiêu, phương hướng tổng quát về phát triển kinh tế, xã hội của 5 năm 2006 - 2010; mục tiêu trực tiếp đến năm 2010 là “sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển”[28]. Trên cơ sở đó, Đại hội đề ra chủ trương: Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức; Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát triển nguồn nhân lực; Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; Phát triển văn hóa, nền tảng tinh thần xã hội; Tăng cường quốc phòng và an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc; Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân; Phát huy dân chủ, tiếp tục hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; Đổi mới, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Để chuẩn bị cho việc bổ sung, phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đại hội tập trung bàn thảo để bổ sung các đặc trưng xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và bổ sung, phát triển nội dung các đặc trưng cũng như chuẩn hóa về diễn đạt và ngữ nghĩa các đặc trưng về xã hội xã hội chủ nghĩa.

Đại hội thông qua toàn văn Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam đã được bổ sung, sửa đổi. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương khóa X gồm 160 ủy viên chính thức và 21 ủy viên dự khuyết. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương bầu Bộ Chính trị gồm 14 ủy viên. Đồng chí Nông Đức Mạnh tiếp tục được bầu giữ chức vụ Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam có một ý nghĩa to lớn. Đường lối, chiến lược, chủ trương, chính sách, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội đúng đắn của Đại hội đã thúc đẩy sự năng động, sáng tạo và nỗ lực của toàn dân tộc đẩy mạnh mọi mặt công cuộc đổi mới mà mục tiêu là đưa đất nước sớm ra khỏi tình trạng kém phát triển, vươn lên trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

11. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (2011): Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới đất nước, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại

Sau 25 năm đổi mới, Đảng và Nhân dân ta đã thực hiện thành công chặng đường đầu của công cuộc đổi mới, đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển đời sống Nhân dân có nhiều thay đổi tích cực, sức mạnh quốc gia được tăng cường, đất nước tích lũy được nhiều nguồn lực phát triển, vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn đứng trước những khó khăn, hạn chế không nhỏ ở trong nước cũng như những thách thức lớn, đan xen nhau và diễn biến rất phức tạp từ bên ngoài. Cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái toàn cầu (bùng nổ bắt đầu ở Mỹ năm 2008 - 2009) đã qua giai đoạn tồi tệ nhất nhưng phục hồi còn chậm và không vững chắc, có những ảnh hưởng bất lợi đến nước ta.

Tình hình trong nước, thế giới và những yêu cầu mới của công cuộc đổi mới đòi hỏi Đảng phải có những bổ sung, phát triển lý luận về đường lối đổi mới, cũng như đề ra những quyết sách để vượt qua khó khăn, tranh thủ thời cơ, hướng tới mục tiêu xây dựng nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Trong bối cảnh đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng diễn ra từ ngày 12 - 19/01/2011 tại Thủ đô Hà Nội. Tham dự Đại hội có 1.377 đại biểu thay mặt cho hơn 3,6 triệu đảng viên toàn Đảng.

Đại hội tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991 - 2011) và 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (2001 - 2010). Đại hội khẳng định: “Những thành tựu đạt được trong 20 năm thực hiện Cương lĩnh là to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Đất nước bước đầu thực hiện thành công công cuộc đổi mới, ra khỏi tình trạng kém phát triển, bộ mặt của đất nước và đời sống của nhân dân có nhiều thay đổi...”[29].

Đại hội đã thảo luận và đưa ra những quyết sách rất quan trọng, nhằm mở ra thời kỳ phát triển của đất nước và thực hiện mục tiêu cao cả, xây dựng Việt Nam thành đất

nước dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đại hội thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển 2011). Cương lĩnh tổng kết những thắng lợi và những bài học chủ yếu của cách mạng Việt Nam; nêu bật quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam diễn ra trong bối cảnh quốc tế có những biến đổi to lớn và sâu sắc. Cương lĩnh xác định mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam với 8 đặc trưng: 1) Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; 2) Do nhân dân làm chủ; 3) Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; 4) Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; 5) Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; 6) Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng; 7) Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, do Đảng Cộng sản lãnh đạo; 8) Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

Cương lĩnh nêu 8 phương hướng để xây dựng và phát triển đất nước, trong đó nhấn mạnh đến việc nắm vững và giải quyết các mối quan hệ lớn công cuộc đổi mới. Cương lĩnh xác định: “Mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta là xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc. Từ nay đến giữa thế kỷ XXI, phấn đấu xây dựng Việt Nam thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”[30].

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển 2011) là bước phát triển mới cả về thực tiễn và nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, là ngọn cờ dẫn dắt sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ mới và bảo đảm cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Đại hội thông qua Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, trong đó yêu cầu tập trung thực hiện ba đột phá chiến lược: Một là, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính. Hai là, phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Ba là, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn.

Đại hội đề ra mục tiêu và nhiệm vụ của 5 năm 2011 - 2015, tầm nhìn đến năm 2020, mà nội dung cơ bản tận dụng tốt thời cơ, vượt qua thách thức, nâng cao năng lực lãnh đạo

và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, phát triển đất nước nhanh, bền vững, thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) gồm 200 ủy viên, với 175 ủy viên chính thức và 25 ủy viên dự khuyết. Tại Hội nghị lần thứ nhất, Ban Chấp hành Trung ương bầu Bộ Chính trị gồm 14 ủy viên. Đồng chí Nguyễn Phú Trọng được bầu giữ chức vụ Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng có một ý nghĩa lịch sử to lớn, đánh dấu một bước phát triển mới trong tư duy lý luận của Đảng về chủ nghĩa xã hội, mô hình chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đại hội đề ra những định hướng chiến lược đúng đắn, có giá trị trước mắt và lâu dài thể hiện tầm nhìn chiến lược là cơ sở để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế của Việt Nam.

12. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (2016): Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại

Sau 30 năm tiến hành công cuộc đổi mới, sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Đảng và Nhân dân ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, đất nước mang một diện mạo mới và một vị thế trên trường quốc tế. Tuy nhiên, công cuộc đổi mới của nhân dân ta cũng đối diện với nhiều khó khăn, tình hình thế giới, khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, có những bất lợi ảnh hưởng trực tiếp đến công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; đặc biệt là diễn biến phức tạp trên Biển Đông,... công cuộc đổi mới đất nước cũng còn những hạn chế, yếu kém,...

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng họp từ ngày 20 - 28/01/2016, tại Hà Nội. Dự Đại hội có 1.510 đại biểu, thay mặt cho hơn 4,5 triệu đảng viên toàn Đảng.

Chủ đề của Đại hội là: “Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”.

Đại hội đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội XI và nhìn lại 30 năm đổi mới. Đại hội nhấn mạnh: “Nhìn tổng thể, qua 30 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được

những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; đồng thời cũng còn nhiều vấn đề lớn, phức tạp, nhiều hạn chế, yếu kém cần phải tập trung giải quyết, khắc phục để tiếp tục đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững hơn”[31]. “Những thành tựu đó tạo tiền đề, nền tảng quan trọng để nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ trong những năm tới; khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử[32]. Đại hội đã đúc kết 5 bài học kinh nghiệm lớn từ thực tiễn 30 năm đổi mới đất nước.

Đại hội đề ra mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu cho nhiệm kỳ 2016 - 2020, với những phương hướng lớn: Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; Xây dựng tổ chức bộ máy của toàn hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu; Tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế, tiếp tục thực hiện có hiệu quả ba đột phá chiến lược; Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước, mở rộng và đưa vào chiều sâu các quan hệ đối ngoại; Thu hút, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực và sức sáng tạo của Nhân dân; Phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 200 đồng chí, trong đó 180 ủy viên chính thức, 20 ủy viên dự khuyết. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương đã bầu Bộ Chính trị gồm 19 ủy viên. Đồng chí Nguyễn Phú Trọng tiếp tục được bầu giữ chức vụ Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng là dấu mốc phát triển lý luận quan trọng về Đảng, hoạch định những chủ trương, nhiệm vụ về đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đáp ứng yêu cầu về vai trò lãnh đạo, vai trò cầm quyền của Đảng trong tình hình mới. Đại hội đề ra đường lối, chủ trương đúng đắn làm cơ sở chính trị, định hướng cho mọi hoạt động đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, hội nhập quốc tế của Việt Nam trong những năm 2016 - 2020. Tại phiên bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: “Thành công tốt đẹp của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng cổ vũ mạnh mẽ toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta vượt qua khó khăn, thách thức, tranh thủ thời cơ, cơ hội mới, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”.

13. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (2021):Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, hướng đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa

Từ sau Đại hội lần thứ XII của Đảng, Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, thu được nhiều thành tựu mới về nhiều mặt, trở thành nước đang phát triển, có thu nhập trung bình, vị thế và uy tín đất nước ngày càng nâng cao trên trường quốc tế. Tuy nhiên, Việt Nam cũng phải đối mặt với muôn vàn khó khăn, thử thách, đặc biệt, bắt đầu từ đầu năm 2020, chịu những tác động tiêu cực lớn từ đại dịch Covid-19. Thiên tai liên tiếp xảy ra ở các tỉnh miền Trung,...

Bình tĩnh trước khó khăn, thử thách, kiên định con đường đi lên, để củng cố những nguyên tắc phát triển, đề ra những chủ trương đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, vừa xây dựng những định hướng phát triển lâu dài, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng diễn ra từ ngày 25/01 - 01/02/2021 tại Thủ đô Hà Nội. Tham dự Đại hội có 1.587 đại biểu, đại diện cho 5,2 triệu đảng viên trong toàn Đảng.

Chủ đề của Đại hội là: Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đại hội đánh giá những kết quả đạt được trong những năm 2016 - 2020; đồng thời, chỉ rõ những thành tựu to lớn của 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới. Đại hội khẳng định: lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam ngày càng hoàn thiện và từng bước được hiện thực hoá. Đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới: “Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”[33].

Đại hội xác định mục tiêu phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, với các lộ trình và mục tiêu cụ thể, gắn với những dấu mốc quan trọng của dân tộc: Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

Để đạt được mục tiêu trên, Đại hội quán triệt các quan điểm chỉ đạo: Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi; Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phát huy bản chất giai cấp công nhân của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện,...

Đại hội chủ trương tiếp tục nắm vững và xử lý tốt các quan hệ lớn: giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội,...

Đại hội thông qua sáu nhiệm vụ trọng tâm và ba đột phá chiến lược cho giai đoạn 2021 - 2025.

Sáu nhiệm vụ trọng tâm là:

(1) Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh. Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, "lợi ích nhóm", những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ. Xây dựng đội ngũ đảng viên và cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Cùng có lòng tin, sự gắn bó của nhân dân với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa.

(2) Tập trung kiểm soát đại dịch COVID-19, tiêm chủng đại trà vắc-xin COVID-19 cho cộng đồng; phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển phù hợp với nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại, hội nhập; phát triển đồng bộ và tạo ra sự liên kết giữa các khu vực, các vùng, các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất kinh doanh; có chính sách hỗ trợ hiệu quả doanh nghiệp trong nông nghiệp; đẩy mạnh nghiên cứu,

chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững; hoàn thiện hệ thống pháp luật, nhất là pháp luật về bảo hộ sở hữu trí tuệ và giải quyết các tranh chấp dân sự, khắc phục những điểm nghẽn cản trở sự phát triển của đất nước.

(3) Giữ vững độc lập, tự chủ, tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số lực lượng tiến thẳng lên hiện đại, tạo tiền đề vững chắc phấn đấu năm 2030 xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo, vùng trời; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước.

(4) Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế; có chính sách cụ thể phát triển văn hoá đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam.

(5) Hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân; đồng thời xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh; cải cách tư pháp, tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội, trước hết là sự gương mẫu tuân theo pháp luật, thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa của cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội các cấp, của cán bộ, đảng viên; tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc.

(6) Quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên; bảo vệ, cải thiện môi trường; chủ động, tích cực triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, thiên tai khắc nghiệt.

Ba đột phá chiến lược, gồm:

(1) Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, cạnh tranh hiệu quả. Tập trung ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức

thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, nhất là đất đai, tài chính, hợp tác công - tư; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý, hiệu quả, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực bằng hệ thống pháp luật.

(2) Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

(3) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội; ưu tiên phát triển một số công trình trọng điểm quốc gia về giao thông, thích ứng với biến đổi khí hậu; chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương (khóa XIII) gồm 200 ủy viên, trong đó có 180 ủy viên chính thức và 20 ủy viên dự khuyết. Hội nghị lần thứ nhất, Ban Chấp hành Trung ương bầu Bộ Chính trị gồm 18 ủy viên. Đồng chí Nguyễn Phú Trọng tiếp tục được bầu giữ chức vụ Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII là sự kiện chính trị trọng đại, đánh dấu bước phát triển của Đảng trong hoạch định đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đại hội thể hiện tầm nhìn và khát vọng của Đảng và dân tộc nhằm phát huy mạnh mẽ lòng yêu nước, tinh thần dân tộc chân chính, dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam để xây dựng đất nước nhanh và bền vững hơn, vì một nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc.

14. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng (2026): Khởi đầu kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, vì hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng tổ chức vào tháng 01 năm 2026 là sự kiện chính trị quan trọng của Đảng, trọng đại của đất nước; là dấu mốc đặc biệt trên con đường phát triển, mở ra kỷ nguyên mới, “kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, “tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc”. Đại hội diễn ra trong bối cảnh quốc tế, khu vực

thay đổi nhanh, có nhiều bất ổn, bất định, diễn biến rất phức tạp, khó dự báo. Đất nước sau 40 năm đổi mới, cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế đã được nâng lên một tầm cao mới. Đại hội xác định tư duy, tầm nhìn, những quyết sách chiến lược để chúng ta vững bước tiến mạnh trong kỷ nguyên mới, thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030 khi Đảng ta tròn 100 năm thành lập (1930 - 2030); hiện thực hóa tầm nhìn phát triển đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1945 - 2045).

Để tập hợp trí tuệ của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta vào hoạch định những quyết sách to lớn quyết định vị thế dân tộc trong tương lai, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) đã công bố Dự thảo các văn kiện Đại hội XIV để lấy ý kiến rộng rãi đồng bào cả nước, người Việt Nam sinh sống, công tác, làm việc ở ngoài nước.

Dự thảo các văn kiện nêu rõ chủ đề của Đại hội XIV của Đảng là: “Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, chung sức, đồng lòng thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030; tự chủ chiến lược, tự cường, tự tin, tiến mạnh trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc vì hoà bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội”.

Dự thảo các văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng xác định mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam với 3 trụ cột nền tảng: Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa - Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam - Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Dự thảo đề ra mục tiêu đến năm 2030 Việt Nam trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045, Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

Để đạt mục tiêu theo lộ trình đã đề ra, dự thảo các văn kiện trình Đại hội đã xây dựng những đột phá mới hợp thành nền tảng để thúc đẩy đột phá, phát triển quốc gia trong giai đoạn tới.

Đó là bổ sung lý luận về đường lối đổi mới, cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới là bộ phận quan trọng cấu thành nền tảng tư tưởng của Đảng; “bảo vệ môi trường” cùng với phát triển kinh tế, xã hội là nhiệm vụ “trung tâm”; xác định “đối ngoại, hội nhập quốc tế” được đặt ngang hàng với quốc phòng và an ninh, trở thành nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên; khẳng định “thể chế chính trị là then chốt, thể chế kinh tế là trọng tâm, các thể chế khác là rất quan trọng”; ba đột phá chiến lược được tái cấu trúc: hoàn thiện thể chế phát triển nhanh, bền

vững; phát triển nhân lực chất lượng cao gắn với khoa học - công nghệ; và đầu tư đồng bộ hạ tầng, nhất là hạ tầng số, năng lượng và đô thị xanh.

Dự thảo xác định kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế; Khoa học, công nghệ và giáo dục là động lực chính của phát triển; Đặt văn hóa, con người ở vị trí trung tâm của phát triển, phát triển con người được đặt ở vị trí trung tâm của mọi chính sách; Thực hiện đột phá phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh tự chủ, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại nhằm bảo vệ vững chắc Tổ quốc trước mọi tình huống, nhất là chiến tranh công nghệ cao.

Dự thảo các văn kiện thể hiện điểm mới nổi bật trong nội hàm công tác xây dựng Đảng là nội dung “Đảng văn minh” - nhấn mạnh yêu cầu thích ứng thời đại, đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực cầm quyền và kiểm soát quyền lực. Công tác cán bộ được triển khai đồng bộ ở cả cấp chiến lược và cơ sở, coi đội ngũ cơ sở là trung tâm của thực thi chính sách, trực tiếp gắn bó với Nhân dân.

Dự thảo nhấn mạnh dân là gốc, Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của mọi quyết sách phát triển. Mọi chủ trương, chính sách phải xuất phát từ lợi ích chính đáng của Nhân dân, lấy hạnh phúc, sự hài lòng của người dân làm thước đo thành công của phát triển. Dự thảo cũng đề ra những định hướng quan trọng về tăng cường củng cố và phát huy hiệu quả sức mạnh của Nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc,...

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đánh dấu bước chuyển mới trong quá trình phát triển của đất nước. Đây là Đại hội định hình tư duy phát triển mang tính đột phá, xác lập các mục tiêu chiến lược trong bối cảnh thế giới biến động mạnh và yêu cầu đổi mới ngày càng cấp thiết. Với việc xác lập các định hướng lớn và khát vọng phát triển đất nước hùng cường, thịnh vượng, tin tưởng Đại hội XIV trở thành dấu mốc định vị tầm nhìn, bản lĩnh và trách nhiệm lịch sử của Đảng đối với tương lai của dân tộc Việt Nam./.

* Nguồn: Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

[1] Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.5, tr.192-193.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2002, t.5, tr.23.

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2002, t.5, tr.23.

[4] Xem Học viện Chính trị quốc gia, Viện Lịch sử Đảng: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, t. I (1930 - 1954), Quyển 2 (1945 - 1954), tr. 319.

- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2001, t.12, tr.32-33.
- [6] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2001, t.12, tr.37.
- [7] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2001, t.12, tr. 435.
- [8] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia, H.2001, t.12, tr.444.
- [9] Xem Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, t. I (1930 - 1954), Quyển 2 (1945 - 1954), tr. 339.
- [10] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2002, t.21, tr 486.
- [11] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2002, t.21, tr. 512.
- [12] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2002, t.21, tr. 524.
- [13] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2002, t. 21, tr. 951.
- [14] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2004, t. 37, tr. 471.
- 1 Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 2004, t. 37, tr.523-524.
- [15] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H,2005, t.43, tr.50.
- [16] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H,2005, t.43, tr.53.
- [17]Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 2006, t. 47, tr.360.
- [18]Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 2006, t.47, tr.376.
- [19]Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 2006, t.47, tr.381.
- [20]Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 2006, t.47, tr.398-399.
- [21]Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 2006, t.47, tr.398.

- [22] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 2007, t.51, tr.9.
- [23] Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới do điểm xuất phát thấp...; nguy cơ chênh lệch xã hội chủ nghĩa nếu không khắc phục được những lệch lạc trong chỉ đạo thực hiện; nạn tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác; âm mưu và hành động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch”.
- [24] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 1996, tr.67-68.
- [25] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 1996, tr. 80.
- [26] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 2001, tr.86.
- [27] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb. Chính trị quốc gia, H,2006, tr.68.
- [28] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, H,2006, tr.23
- [29] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 2011, tr.177.
- [30] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 2011, tr.71.
- [31] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 2016, tr. 65.
- [32] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 2016, tr. 66.
- [33] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia, H, 2016, t.1, tr. 25.